

THE TWELVE LINKS OF DEPENDENT ORIGINATION

MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

3. CONSCIOUSNESS — THỨC

Based on the Suttas — Dựa trên Kinh điển

ENGLISH

1. What is consciousness?

In dependent origination, consciousness (Pāli: viññāṇa; Sanskrit: vijñāna) is not presented as a permanent soul or an independent observer. It is the conditioned knowing of an object through a particular sense door.

SN 12.2 defines six classes of consciousness: eye-consciousness, ear-consciousness, nose-consciousness, tongue-consciousness, body-consciousness, and mind-consciousness. Each is named according to the conditions on which it depends.

2. How does consciousness arise?

MN 38 explains that consciousness is classified according to the condition through which it arises. Eye-consciousness depends on the eye and visible forms; ear-consciousness depends on the ear and sounds; the same principle applies to smell, taste, touch, and mental objects. Like a fire named after its fuel, consciousness is known by the conditions supporting it.

Therefore, consciousness does not arise by itself. It appears when the appropriate conditions meet, changes when those conditions change, and ceases when those conditions cease.

3. Why do volitional formations condition consciousness?

The formula of dependent origination states: “With volitional formations as condition, consciousness comes to be.” Intentional activities shaped by ignorance leave tendencies and establish a basis for consciousness to continue.

SN 12.38 says that what one intends, plans, or dwells upon can become a support for the establishment of consciousness. When that support is present, the process of renewed existence and further suffering can continue. This does not mean that a fixed self travels onward; it describes a conditioned causal continuity.

4. Consciousness and name-and-form

The standard sequence says that consciousness conditions name-and-form. Yet the discourses also show a reciprocal relationship. In SN 12.67, consciousness and name-and-form are compared to two bundles of reeds standing by leaning against each other. If one is removed, the other falls.

“Name” refers to mental functions such as feeling, perception, intention, contact, and attention; “form” refers to the material body. Conscious experience requires this psycho-physical basis, while the living psycho-physical process is manifested together with consciousness.

5. Consciousness is not the self

Because consciousness depends on conditions, it is impermanent and unsuitable to be regarded as “I,” “mine,” or an unchanging essence. It is a flowing series of conditioned moments of knowing, not an eternal substance hidden inside the body.

This point avoids two extremes: believing in an everlasting soul, and believing that experience arises without causes. Dependent origination teaches conditional continuity without asserting a permanent self.

6. Consciousness and rebirth

DN 15 uses the example of consciousness entering the mother's womb to explain how consciousness is a condition for name-and-form to develop. The passage describes the continuity of a conditioned process across birth; it should not be understood as an eternal soul moving from one body to another.

The process is sustained by ignorance, craving, clinging, and intentional action. When these supporting conditions are removed, there is no basis for renewed becoming.

7. How does this link cease?

With the complete fading and cessation of ignorance, binding volitional formations cease; with the cessation of those formations, the consciousness that would sustain renewed existence also ceases. This does not mean destroying ordinary functional awareness. It means ending the karmically conditioned process that perpetuates birth and suffering.

In practice, ethical conduct restrains harmful intentions, meditation reveals how consciousness arises and passes, and wisdom sees that every consciousness is conditioned, impermanent, and not-self. Seeing clearly weakens clinging and gradually removes the support for the cycle.

A simple example

A sound reaches the ear. Ear-consciousness arises dependent on the ear and the sound. Contact and feeling follow. If ignorance and habit immediately take over, attraction, resistance, and further action may arise. With mindfulness and wisdom, the sound is known simply as a conditioned event, without turning it into "me" or "mine."

TIẾNG VIỆT

1. Thức là gì?

Trong giáo lý Duyên khởi, Thức (Pāli: viññāṇa; Sanskrit: vijñāna) không được trình bày như một linh hồn thường còn hay một chủ thể nhận biết độc lập. Thức là sự nhận biết có điều kiện về một đối tượng qua một cửa giác quan nhất định.

Tương Ưng Bộ 12.2 định nghĩa sáu loại Thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Mỗi loại được gọi tên theo những điều kiện mà nó nương vào để sinh khởi.

2. Thức sinh khởi như thế nào?

Trung Bộ 38 giải thích rằng Thức được phân loại tùy theo điều kiện làm nó sinh khởi. Nhãn thức nương vào mắt và hình sắc; nhĩ thức nương vào tai và âm thanh; nguyên tắc này cũng áp dụng cho mùi, vị, xúc chạm và các đối tượng của tâm. Giống như ngọn lửa được gọi tên theo nhiên liệu, Thức được nhận diện theo những điều kiện nâng đỡ nó.

Vì vậy, Thức không tự mình sinh khởi. Nó xuất hiện khi các điều kiện thích hợp gặp nhau, thay đổi khi các điều kiện thay đổi, và chấm dứt khi những điều kiện ấy chấm dứt.

3. Vì sao Hành làm duyên cho Thức?

Công thức Duyên khởi nói: “Do Hành làm duyên, Thức sinh khởi.” Những hoạt động có chủ ý bị vô minh chi phối để lại khuynh hướng và tạo nền tảng cho dòng Thức tiếp tục.

Tương Ưng Bộ 12.38 dạy rằng điều ta cố ý, dự tính hoặc thường xuyên hướng tâm đến có thể trở thành chỗ nương để Thức được thiết lập. Khi chỗ nương ấy còn, tiến trình tái hiện hữu và khổ đau có thể tiếp tục. Điều này không có nghĩa một cái “tôi” cố định đi từ đời này sang đời khác; đây là sự tiếp nối của nhân và duyên.

4. Thức và Danh-sắc

Chuỗi Duyên khởi nói Thức làm duyên cho Danh-sắc. Tuy nhiên, kinh điển cũng trình bày quan hệ nương nhau giữa hai chi này. Trong Tương Ưng Bộ 12.67, Thức và Danh-sắc được ví như hai bó lau dựa vào nhau mà đứng. Lấy một bó đi thì bó kia cũng ngã.

“Danh” gồm những chức năng tâm lý như thọ, tưởng, tư, xúc và tác ý; “Sắc” là thân vật chất. Kinh nghiệm có ý thức cần nền tảng tâm-thân này, trong khi tiến trình tâm-thân sống động biểu hiện cùng với Thức.

5. Thức không phải là tự ngã

Vì Thức tùy thuộc điều kiện nên nó vô thường và không thích hợp để xem là “tôi,” “của tôi,” hay một bản thể bất biến. Đó là dòng liên tục gồm những sát-na nhận biết có điều kiện, không phải một thực thể vĩnh viễn ẩn bên trong thân thể.

Cách hiểu này tránh hai cực đoan: tin có một linh hồn thường còn, hoặc cho rằng kinh nghiệm sinh ra không có nguyên nhân. Duyên khởi trình bày sự tiếp nối có điều kiện mà không xác lập một tự ngã thường hằng.

6. Thức và tái sinh

Trường Bộ 15 dùng hình ảnh Thức đi vào thai mẹ để giải thích Thức là điều kiện cho Danh-sắc phát triển. Đoạn kinh mô tả sự tiếp nối của một tiến trình có điều kiện qua sự sinh; không nên hiểu đó là một linh hồn vĩnh cửu di chuyển từ thân này sang thân khác.

Tiến trình ấy được duy trì bởi vô minh, ái, thủ và hành động có chủ ý. Khi những điều kiện nâng đỡ này được đoạn trừ, không còn nền tảng cho sự tái hiện hữu.

7. Chi Thức chấm dứt như thế nào?

Khi vô minh hoàn toàn ly tham và chấm dứt, những Hành tạo nghiệp trói buộc chấm dứt; khi những Hành ấy chấm dứt, dòng Thức duy trì sự tái hiện hữu cũng chấm dứt. Điều này không có nghĩa hủy diệt khả năng nhận biết thông thường. Nó có nghĩa chấm dứt tiến trình bị nghiệp chi phối làm tiếp diễn sinh và khổ.

Trong thực hành, giới hạnh ngăn những ý định gây hại; thiền định giúp thấy Thức sinh rồi diệt; trí tuệ thấy mọi Thức đều do duyên, vô thường và vô ngã. Thấy rõ như vậy làm yếu sự chấp thủ và dần tháo bỏ chỗ nương của vòng luân hồi.

Một ví dụ đơn giản

Một âm thanh đến tai. Nhĩ thức sinh khởi do tai và âm thanh làm duyên. Xúc và Thọ tiếp theo. Nếu vô minh và thói quen lập tức dẫn dắt, ưa thích, chống đối và hành động tiếp nối có thể sinh ra. Với chánh niệm và trí tuệ, âm thanh chỉ được nhận biết như một hiện tượng có điều kiện, không biến thành “tôi” hay “của tôi.”

SCRIPTURAL SOURCES — NGUỒN KINH ĐIỂN

1. SN 12.2, Analysis of Dependent Origination — definition of the six classes of consciousness — <https://suttacentral.net/sn12.2/en/bodhi>
2. MN 38, The Greater Discourse on the Destruction of Craving — consciousness is classified by its conditions — <https://suttacentral.net/mn38/en/bodhi>
3. SN 12.38, Volition — intention as a support for the establishment of consciousness — <https://suttacentral.net/sn12.38/en/bodhi>
4. SN 12.67, Sheaves of Reeds — mutual dependence of consciousness and name-and-form — <https://suttacentral.net/sn12.67/en/bodhi>
5. DN 15, The Great Discourse on Causation — consciousness, name-and-form, and birth — <https://suttacentral.net/dn15/en/bodhi>

Editorial note — Ghi chú biên tập

This bilingual introduction is a concise explanatory arrangement based on the discourses listed above. It is intended for beginners and does not replace the complete suttas.

Bài giới thiệu song ngữ này là sự sắp xếp và giải thích ngắn gọn dựa trên các bài kinh nêu trên, dành cho người mới đọc; bài này không thay thế nguyên văn đầy đủ của kinh.